

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HO CHI MINH CITY OPEN UNIVERSITY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
GUIDELINE FOR PROGRAMME DELIVERY
Ngành/Major: Luật Kinh tế (Chương trình tiên tiến)

1. Danh mục môn học tương đương – thay thế

ST T No.	Môn học trong chương trình 2025/ Course in previous programme			Môn học trong chương trình 2026/ Course in current programme		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits
Danh mục môn học tương đương						
1	Kỹ năng soạn thảo văn bản	GLAW22980	2	Kỹ năng soạn thảo văn bản	GLAW23090	3
2	Luật môi trường	GLAW23940	3	Luật môi trường	GLAW22090	2
3	Luật thi hành án dân sự	GLAW23950	3	Luật thi hành án dân sự	GLAW22130	2
4	Luật đầu tư (Tiếng Anh)	BULA33970	3	Luật đầu tư	BULA32040	2
5	Luật cạnh tranh	BULA23980	3	Luật cạnh tranh	BULA22050	2
6	Luật kinh doanh bất động sản	BULA23960	3	Luật kinh doanh bất động sản	BULA22070	2
7	Luật dân sự 1	GLAW23990	3	Quy định chung về luật dân sự, tài sản và thừa kế	GLAW23110	3
8	Luật dân sự 2	GLAW23980	3	Nghĩa vụ và hợp đồng	GLAW23120	3
9	Kỹ năng viết và nghiên cứu pháp lý	GLAW22990	2	Lập luận và viết pháp lý	GLAW23040	3
10	Lịch sử nhà nước và pháp luật	GLAW23930	3	Lịch sử nhà nước, pháp luật và học thuyết chính trị-pháp lý	GLAW23250	3
11	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng (tiếng Anh)	GLAW33910	3	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	GLAW32160	2
12	Thuật ngữ pháp lý tiếng Anh	BULA33990	3	Thuật ngữ pháp lý tiếng Anh	BULA32110	2

72

ST T No.	Môn học trong chương trình 2025/ Course in previous programme			Môn học trong chương trình 2026/ Course in current programme		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits
13	Pháp luật về luật sư, kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng	GLAW23900	3	Kỹ năng tư vấn pháp luật ngành Luật Kinh tế	BULA23080	3
14	Thực hành nghề nghiệp ngành Luật Kinh tế 1	BULA22980	2	Thực hành nghề nghiệp ngành Luật Kinh tế	BULA23120	3
15	Thực hành nghề nghiệp ngành Luật Kinh tế 2	BULA22990	2	Thực hành nghề nghiệp ngành Luật Kinh tế	BULA23120	3
Danh mục môn học thay thế						
1	Pháp luật cộng đồng ASEAN	GLAW23970	3	<i>Chọn 1 trong 3 môn học sau:</i>		
				Luật học so sánh	GLAW22210	2
				Luật Đầu tư (tiếng Anh)	BULA32040	2
				Luật Môi trường	GLAW22090	2
2	Tư pháp quốc tế	GLAW23180	3	Tư pháp quốc tế	GLAW33180	3
3	Môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp bởi 6 tín chỉ từ những môn học tự chọn thuộc kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành của ngành Luật Kinh tế			Kỹ năng tư vấn pháp luật ngành Luật Kinh tế	BULA23080	3
4	(không được trùng với môn học đã học (bắt buộc, tự chọn) của chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế)			Phân tích án ngành Luật Kinh tế	BULA23110	3
Danh mục môn học đổi tên						
2	Công pháp quốc tế (Tiếng Anh)	GLAW33170	3	Công pháp quốc tế	GLAW33170	3
3	Thực tập tốt nghiệp	BULA24010	4	Thực tập tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế	BULA24010	4
4	Khóa luận tốt nghiệp	BULA26010	6	Khóa luận tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế	BULA26010	6
5	Luật thương mại quốc tế (tiếng Anh)	BULA33070	3	Luật thương mại quốc tế	BULA33070	3
6	Phá sản và giải quyết tranh chấp (Tiếng Anh)	BULA32010	2	Phá sản và giải quyết tranh chấp	BULA32010	2

ST T No.	Môn học trong chương trình 2025/ Course in previous programme			Môn học trong chương trình 2026/ Course in current programme		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits
7	Pháp luật về các loại hình thương nhân (Tiếng Anh)	BULA33030	3	Pháp luật về các loại hình thương nhân	BULA33030	3
8	Pháp luật về hoạt động thương mại (Tiếng Anh)	BULA33040	3	Pháp luật về hoạt động thương mại	BULA33040	3
Danh mục môn học Khoa không còn đào tạo, sinh viên đăng ký học lại cùng khoa khác/ngành khác						
1	Kinh tế vi mô	ECON23020	3	Kinh tế vi mô	ECON23020	3
2	Kinh tế vĩ mô	ECON23030	3	Kinh tế vĩ mô	ECON23030	3
3	Con người và môi trường	BIOT23010	3	Con người và môi trường	BIOT23010	3
4	An sinh xã hội	SOWO23040	3	An sinh xã hội	SOWO23040	3
5	Tiếng Việt thực hành	ENGL22010	2	Tiếng Việt thực hành	ENGL22010	2
6	Cơ sở ngôn ngữ học	ENGL23410	3	Cơ sở ngôn ngữ học	ENGL23410	3
7	Pháp luật đại cương	GLAW23220	3	Pháp luật đại cương	GLAW23220	3
8	Giải tích	MATH23020	3	Giải tích	MATH23020	3
9	Đại số tuyến tính	MATH23010	3	Đại số tuyến tính	MATH23010	3
10	Xác suất và thống kê	MATH23030	3	Xác suất và thống kê	MATH23030	3
11	Thống kê ứng dụng	BUAD23190	3	Xác suất và thống kê	MATH23030	3
12	Hóa đại cương	BIOT23020	3	Hóa đại cương	BIOT23020	3
14	Sinh học đại cương	BIOT22010	2	Sinh học đại cương	BIOT22010	2
15	Marketing căn bản	MARK23010	3	Marketing căn bản	MARK23010	3
16	Hành vi tổ chức	HURM23040	3	Hành vi tổ chức	HURM23040	3
17	Kinh tế xây dựng	CIEN23100	3	Kinh tế xây dựng	CIEN23100	3
18	Quan hệ công chúng	MARK23160	3	Quan hệ công chúng	MARK23160	3
19	Giao tiếp liên văn hóa	SOAS23110	3	Giao tiếp liên văn hóa	SOAS23110	3
20	Quản lý môi trường	BIOT22140	2	Quản lý môi trường	BIOT22140	2
21	Thương mại điện tử	INBU23090	3	Thương mại điện tử	INBU23090	3
22	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	ACCO23190	3	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp.	ACCO23190	3
23	Hoạch định tài chính cá nhân	FIBA33230	3	Hoạch định tài chính cá nhân	FIBA33230	3

ST T No.	Môn học trong chương trình 2025/ Course in previous programme			Môn học trong chương trình 2026/ Course in current programme		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits
24	Thuế và hoạt động kinh doanh	FIBA23110	3	Thuế và hoạt động kinh doanh	FIBA23110	3
25	Khởi nghiệp	BUAD23050	3	Khởi nghiệp	BUAD23050	3
26	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	INBU33040	3	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	INBU23040	3
27	Logic học	MAIS23060	3	Logic học	MAIS23060	3
28	Quản trị học	BUAD23030	3	Quản trị học	BUAD23030	3
29	Quản trị học (Tiếng Anh)	BUAD33030	3	Quản trị học	BUAD33030	3
30	Giới và phát triển	SOWO23250	3	Giới và phát triển	SOWO23250	3
31	Nguyên lý kế toán (Tiếng Anh)	ACCO33010	3	Nguyên lý kế toán	ACCO33010	3
Danh mục môn học Khoa Luật và các Khoa khác không còn đào tạo, sinh viên chọn các môn khác trong cùng nhóm tự chọn để học trả nợ nhằm tích lũy đủ số tín chỉ						
1	Phát triển sản phẩm Công nghệ sinh học	BIOT23400	3			
2	Dinh dưỡng người	FOTE23050	3			

Sinh viên học các môn học tương đương thay thế cần đảm bảo học đúng theo danh mục, không trùng với môn đã học và tích lũy đủ tổng số tín chỉ theo quy định của chương trình.

2. Danh mục môn học tương đương – thay thế dành cho sinh viên chuyển vào - ra chương trình đào tạo tiên tiến

2.1. Danh mục môn học tương đương – thay thế dành cho sinh viên chuyển từ chương trình đào tạo chuẩn sang chương trình đào tạo tiên tiến

ST T No.	Môn học trong chương trình đào tạo chuẩn			Môn học trong chương trình đào tạo tiên tiến		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits
Danh mục môn học tương đương						
1	Triết học Mác-Lênin	POLI03010	3	Triết học Mác-Lênin	POLI23010	3
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	POLI02010	2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	POLI22010	2
3	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	POLI02020	2	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	POLI22020	2

Handwritten signature/initials

ST T No.	Môn học trong chương trình đào tạo chuẩn			Môn học trong chương trình đào tạo tiên tiến		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLIO2030	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI22030	2
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLIO2040	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI22040	2
6	Kinh tế học đại cương	ECON03320	3	Kinh tế học đại cương	ECON23320	3
7	Xã hội học đại cương	SOCI03020	3	Xã hội học đại cương	SOCI23020	3
8	Tâm lý học đại cương	PSYC03010	3	Tâm lý học đại cương	PSYC23010	3
9	Đại cương văn hoá Việt Nam	SOAS03010	3	Đại cương văn hóa Việt Nam	SOAS23010	3
10	Tin học văn phòng nâng cao	ADOIO3010	3	Tin học văn phòng nâng cao	ADOI23010	3
11	Tư duy phản biện	GLAW03010	3	Tư duy phản biện	GLAW23010	3
12	Thống kê xã hội	SOCI03010	3	Thống kê xã hội	SOCI23010	3
13	Nguyên lý kế toán	ACCO03010	3	Nguyên lý kế toán	ACCO23010	3
14	Tiếng Anh nâng cao 1	GEEN03060	3	Tiếng Anh nâng cao 1	GEEN23060	3
15	Tiếng Anh nâng cao 2	GEEN03070	3	Tiếng Anh nâng cao 2	GEEN23070	3
16	Tiếng Anh nâng cao 3	GEEN03080	3	Tiếng Anh nâng cao 3	GEEN23080	3
17	Tiếng Anh nâng cao 4	GEEN03090	3	Tiếng Anh nâng cao 4	GEEN23090	3
18	Tiếng Anh nâng cao 5	GEEN03100	3	Tiếng Anh nâng cao 5	GEEN23100	3
19	Lý luận nhà nước và pháp luật	GLAW03020	3	Lý luận nhà nước và pháp luật	GLAW23020	3
20	Lịch sử nhà nước, pháp luật và học thuyết chính trị-pháp lý	GLAW03250	3	Lịch sử nhà nước, pháp luật và học thuyết chính trị-pháp lý	GLAW23250	3
21	Nghề luật và đạo đức nghề luật	GLAW02190	2	Nghề luật và đạo đức nghề luật	GLAW22190	2
22	Lập luận và viết pháp lý	GLAW03040	3	Lập luận và viết pháp lý	GLAW23040	3
23	Luật Hiến pháp	GLAW03050	3	Luật Hiến pháp	GLAW23050	3
24	Quy định chung về luật dân sự, tài sản và thừa kế	GLAW03110	3	Quy định chung về luật dân sự, tài sản và thừa kế	GLAW23110	3
25	Luật Hình sự	GLAW03100	3	Luật Hình sự	GLAW23100	3
26	Luật Hành chính	GLAW03070	3	Luật Hành chính	GLAW23070	3
27	Luật Tổ tụng hành chính	GLAW02030	2	Luật Tổ tụng hành chính	GLAW22030	2
28	Lý luận và pháp luật về quyền con người	GLAW02200	2	Lý luận và pháp luật về quyền con người	GLAW22200	2
29	Luật Ngân sách nhà nước	GLAW02040	2	Luật Ngân sách nhà nước	GLAW22040	2
30	Luật Đất đai	GLAW03080	3	Luật Đất đai	GLAW23080	3

ST T No.	Môn học trong chương trình đào tạo chuẩn			Môn học trong chương trình đào tạo tiên tiến		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits
31	Kỹ năng soạn thảo văn bản	GLAW03090	3	Kỹ năng soạn thảo văn bản	GLAW23090	3
32	Luật Tố tụng hình sự	GLAW02050	2	Luật Tố tụng hình sự	GLAW22050	2
33	Tội phạm học	GLAW02060	2	Tội phạm học	GLAW22060	2
34	Nghĩa vụ và hợp đồng	GLAW03120	3	Nghĩa vụ và hợp đồng	GLAW23120	3
35	Luật Tố tụng dân sự	GLAW03130	3	Luật Tố tụng dân sự	GLAW23130	3
36	Luật Lao động	GLAW03140	3	Luật Lao động	GLAW23140	3
37	Luật Hôn nhân và gia đình	GLAW02070	2	Luật Hôn nhân và gia đình	GLAW22070	2
38	Luật Sở hữu trí tuệ	BULA03050	3	Luật Sở hữu trí tuệ	BULA23050	3
39	Luật Thuế	BULA03060	3	Luật Thuế	BULA23060	3
40	Luật Môi trường	GLAW02090	2	Luật Môi trường	GLAW22090	2
41	Luật Thi hành án dân sự	GLAW02130	2	Luật Thi hành án dân sự	GLAW22130	2
42	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	GLAW02970	2	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	GLAW22970	2
43	Luật Ngân hàng	BULA02020	2	Luật Ngân hàng	BULA22020	2
44	Luật Cạnh tranh	BULA02050	2	Luật Cạnh tranh	BULA22050	2
45	Luật Kinh doanh bảo hiểm	BULA02060	2	Luật Kinh doanh bảo hiểm	BULA22060	2
46	Luật Kinh doanh bất động sản	BULA02070	2	Luật Kinh doanh bất động sản	BULA22070	2
47	Pháp luật về xuất nhập khẩu	BULA02090	2	Pháp luật về xuất nhập khẩu	BULA22090	2
48	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	BULA02080	2	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	BULA22080	2
49	Luật Thương mại điện tử	BULA02100	2	Luật Thương mại điện tử	BULA22100	2
50	Luật học so sánh	GLAW02960	2	Luật học so sánh	GLAW22960	2
51	Khóa luận tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế	BULA06010	6	Khóa luận tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế	BULA26010	6
52	Kỹ năng tư vấn pháp luật ngành Luật Kinh tế	BULA03080	3	Kỹ năng tư vấn pháp luật ngành Luật Kinh tế	BULA23080	3
53	Phân tích án ngành Luật Kinh tế	BULA03110	3	Phân tích án ngành Luật Kinh tế	BULA23110	3
54	Thực hành nghề nghiệp ngành Luật kinh tế	BULA03120	3	Thực hành nghề nghiệp ngành Luật kinh tế	BULA23120	3

ST T No.	Môn học trong chương trình đào tạo chuẩn			Môn học trong chương trình đào tạo tiên tiến		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits
55	Thực tập tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế	BULA04010	4	Thực tập tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế	BULA24010	4

Tổng số tín chỉ xét miễn cho sinh viên chuyển từ chương trình đào tạo chuẩn sang chương trình đào tạo tiên tiến không vượt quá 50% tổng số tín chỉ tối thiểu của CTĐT.

2.2. Danh mục môn học tương đương – thay thế dành cho sinh viên chuyển từ chương trình đào tạo tiên tiến sang chương trình đào tạo chuẩn

STT No.	Môn học trong chương trình đào tạo tiên tiến			Môn học trong chương trình đào tạo chuẩn		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits
Danh mục môn học tương đương						
1	Triết học Mác-Lênin	POLI23010	3	Triết học Mác-Lênin	POLI03010	3
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	POLI22010	2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	POLI02010	2
3	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	POLI22020	2	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	POLI02020	2
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI22030	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI02030	2
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI22040	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI02040	2
6	Kinh tế học đại cương	ECON23320	3	Kinh tế học đại cương	ECON03320	3
7	Xã hội học đại cương	SOCI23020	3	Xã hội học đại cương	SOCI03020	3
8	Tâm lý học đại cương	PSYC23010	3	Tâm lý học đại cương	PSYC03010	3
9	Đại cương văn hóa Việt Nam	SOAS23010	3	Đại cương văn hoá Việt Nam	SOAS03010	3
10	Tin học văn phòng nâng cao	ADOI23010	3	Tin học văn phòng nâng cao	ADOI03010	3
11	Tư duy phản biện	GLAW23010	3	Tư duy phản biện	GLAW03010	3
12	Thống kê xã hội	SOCI23010	3	Thống kê xã hội	SOCI03010	3
13	Nguyên lý kế toán	ACCO23010	3	Nguyên lý kế toán	ACCO03010	3
14	Tiếng Anh nâng cao 1	GEEN23060	3	Tiếng Anh nâng cao 1	GEEN03060	3
15	Tiếng Anh nâng cao 2	GEEN23070	3	Tiếng Anh nâng cao 2	GEEN03070	3
16	Tiếng Anh nâng cao 3	GEEN23080	3	Tiếng Anh nâng cao 3	GEEN03080	3
17	Tiếng Anh nâng cao 4	GEEN23090	3	Tiếng Anh nâng cao 4	GEEN03090	3
18	Tiếng Anh nâng cao 5	GEEN23100	3	Tiếng Anh nâng cao 5	GEEN03100	3
19	Lý luận nhà nước và pháp luật	GLAW23020	3	Lý luận nhà nước và pháp luật	GLAW03020	3
20	Lịch sử nhà nước, pháp luật và học thuyết chính trị-pháp lý	GLAW23250	3	Lịch sử nhà nước, pháp luật và học thuyết chính trị-pháp lý	GLAW03250	3

Handwritten signature/initials

STT No.	Môn học trong chương trình đào tạo tiên tiến			Môn học trong chương trình đào tạo chuẩn		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits
21	Nghề luật và đạo đức nghề luật	GLAW22190	2	Nghề luật và đạo đức nghề luật	GLAW02190	2
22	Lập luận và viết pháp lý	GLAW23040	3	Lập luận và viết pháp lý	GLAW03040	3
23	Luật hiến pháp	GLAW23050	3	Luật hiến pháp	GLAW03050	3
24	Quy định chung về luật dân sự, tài sản và thừa kế	GLAW23110	3	Quy định chung về luật dân sự, tài sản và thừa kế	GLAW03110	3
25	Pháp luật về các loại hình thương nhân	BULA33030	3	Pháp luật về các loại hình thương nhân	BULA03030	3
26	Luật hình sự	GLAW23100	3	Luật hình sự	GLAW03100	3
27	Công pháp quốc tế	GLAW33170	3	Công pháp quốc tế	GLAW03170	3
28	Luật hành chính	GLAW23070	3	Luật hành chính	GLAW03070	3
29	Luật tổ tụng hành chính	GLAW22030	2	Luật tổ tụng hành chính	GLAW02030	2
30	Lý luận và pháp luật về quyền con người	GLAW22200	2	Lý luận và pháp luật về quyền con người	GLAW02200	2
31	Luật ngân sách nhà nước	GLAW22040	2	Luật ngân sách nhà nước	GLAW02040	2
32	Luật đất đai	GLAW23080	3	Luật đất đai	GLAW03080	3
33	Kỹ năng soạn thảo văn bản	GLAW23090	3	Kỹ năng soạn thảo văn bản	GLAW03090	3
34	Luật tố tụng hình sự	GLAW22050	2	Luật tố tụng hình sự	GLAW02050	2
35	Tội phạm học	GLAW22060	2	Tội phạm học	GLAW02060	2
36	Nghĩa vụ và hợp đồng	GLAW23120	3	Nghĩa vụ và hợp đồng	GLAW03120	3
37	Luật tố tụng dân sự	GLAW23130	3	Luật tố tụng dân sự	GLAW03130	3
38	Luật lao động	GLAW23140	3	Luật lao động	GLAW03140	3
39	Luật hôn nhân và gia đình	GLAW22070	2	Luật hôn nhân và gia đình	GLAW02070	2
40	Pháp luật về hoạt động thương mại	BULA33040	3	Pháp luật về hoạt động thương mại	BULA03040	3
41	Phá sản và giải quyết tranh chấp	BULA32010	2	Phá sản và giải quyết tranh chấp	BULA02010	2
42	Luật sở hữu trí tuệ	BULA23050	3	Luật sở hữu trí tuệ	BULA03050	3
43	Luật thuế	BULA23060	3	Luật thuế	BULA03040	3
44	Luật thương mại quốc tế	BULA33070	3	Luật thương mại quốc tế	BULA03070	3
45	Tư pháp quốc tế	GLAW33180	3	Tư pháp quốc tế	GLAW03180	3
46	Luật môi trường	GLAW22090	2	Luật môi trường	GLAW02090	2
47	Luật thi hành án dân sự	GLAW22130	2	Luật thi hành án dân sự	GLAW02130	2

STT No.	Môn học trong chương trình đào tạo tiên tiến			Môn học trong chương trình đào tạo chuẩn		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/Course Code	Số tín chỉ/ Credits
48	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	GLAW22970	2	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	GLAW02970	2
49	Luật ngân hàng	BULA22020	2	Luật ngân hàng	BULA02020	2
50	Luật đầu tư	BULA32040	2	Luật đầu tư	BULA02040	2
51	Luật cạnh tranh	BULA22050	2	Luật cạnh tranh	BULA02050	2
52	Luật kinh doanh bảo hiểm	BULA22060	2	Luật kinh doanh bảo hiểm	BULA02060	2
53	Luật kinh doanh bất động sản	BULA22070	2	Luật kinh doanh bất động sản	BULA02070	2
54	Pháp luật về xuất nhập khẩu	BULA22090	2	Pháp luật về xuất nhập khẩu	BULA02090	2
55	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	BULA22080	2	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	BULA02080	2
56	Luật thương mại điện tử	BULA22100	2	Luật thương mại điện tử	BULA02100	2
57	Luật học so sánh	GLAW22960	2	Luật học so sánh	GLAW02960	2
58	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	GLAW32160	2	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	GLAW02160	2
59	Thuật ngữ pháp lý tiếng Anh	BULA32110	2	Thuật ngữ pháp lý tiếng Anh	BULA02110	2
60	Khóa luận tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế	BULA26010	6	Khóa luận tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế	BULA06010	6
61	Kỹ năng tư vấn pháp luật ngành Luật Kinh tế	BULA23080	3	Kỹ năng tư vấn pháp luật ngành Luật Kinh tế	BULA03080	3
62	Phân tích án ngành Luật Kinh tế	BULA23110	3	Phân tích án ngành Luật Kinh tế	BULA03110	3
63	Thực hành nghề nghiệp ngành Luật kinh tế	BULA23120	3	Thực hành nghề nghiệp ngành Luật kinh tế	BULA03120	3
64	Thực tập tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế	BULA24010	4	Thực tập tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế	BULA04010	4

Tổng số tín chỉ xét miễn cho sinh viên chuyển từ chương trình đào tạo tiên tiến sang chương trình đào tạo chuẩn không vượt quá 50% tổng số tín chỉ tối thiểu của CTĐT

3. Những lưu ý khi thực hiện chương trình đào tạo/Remarks for programme delivery

a) Chuẩn đầu vào – Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ không chuyên

Chuẩn đầu vào:

Handwritten signature

- Chuẩn đầu vào tiếng Anh của Trường là bậc 2/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

- Trường tổ chức kiểm tra trình độ tiếng Anh cho tân sinh viên để xếp lớp tiếng Anh phù hợp với năng lực.

- Sinh viên không đạt năng lực tiếng Anh đầu vào phải theo học trình độ tiếng Anh được xếp lớp theo trình độ Tiếng Anh căn bản 1, 2, 3, 4, 5 (Không tính vào chương trình đào tạo).

Chuẩn đầu ra:

- Chương trình đào tạo tiên tiến - ngành Luật kinh tế: Có kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ hiệu quả (Ngoại ngữ đạt Bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam)

b) Chuẩn đầu ra Tin học không chuyên

- Đào tạo phổ cập kiến thức, kỹ năng số cho đối tượng là người học trong cơ sở giáo dục đại học theo Khung năng lực số cho người học ban hành tại Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Khung năng lực số).

- Người học hoàn thành chương trình đào tạo đạt được năng lực số bậc 5 đến bậc 6 theo Khung năng lực số.

- Chương trình đào tạo giúp cho người học tự học để có đủ kiến thức, kỹ năng số đáp ứng các nhu cầu chung cho việc học tập, nghiên cứu, bước đầu chuẩn bị tham gia lực lượng lao động.

c) Tính liên thông/Transferability

Chương trình đào tạo trình độ đại học đã chú ý đến tính liên thông, đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp đại học có thể học lên trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ về luật học

**** Các môn học đảm bảo tính liên thông giữa các ngành học:***

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ
1	Triết học Mác-Lênin	POL123010	3
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	POL122010	2
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POL122020	2
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POL122030	2
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POL122040	2
6	Tiếng Anh nâng cao 1	GEEN23060	3
7	Tiếng Anh nâng cao 2	GEEN23070	3

KL

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ
8	Tiếng Anh nâng cao 3	GEEN23080	3
9	Tiếng Anh nâng cao 4	GEEN23090	3
10	Tiếng Anh nâng cao 5	GEEN23100	3
11	Tiếng Anh nâng cao 6	GEEN23110	3
12	Tiếng Anh nâng cao 7	GEEN23120	3
13	Tiếng Anh nâng cao 8	GEEN23130	3
14	Tiếng Anh nâng cao 9	GEEN23140	3
15	Tiếng Anh nâng cao 10	GEEN23150	3
16	Tin học văn phòng nâng cao	ADOI23010	3

** Các chuẩn đầu ra đảm bảo tính liên thông với trình độ cao hơn:*

Chuẩn đầu ra/ PLO Code	Mô tả/ Description
Kiến thức/Knowledge	
PLO1	Áp dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, lịch sử, văn hóa, truyền thống dân tộc để làm nền tảng phát triển tư duy phản biện
PLO2	Hiểu được các vấn đề xã hội dựa trên tư tưởng chính trị trong các hoạt động học tập và thực hành
PLO3	Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực cơ sở ngành luật nhằm giải quyết các vấn đề chuyên môn nền tảng của ngành luật kinh tế
PLO4	Áp dụng kiến thức cốt lõi ngành luật để giải quyết vấn đề thực tiễn bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh ở các nhóm lĩnh vực: luật hành chính; luật dân sự; luật kinh tế; luật hình sự; luật quốc tế
PLO5	Áp dụng các kiến thức cốt lõi ngành Luật Kinh tế trong việc vận dụng, giải quyết các vấn đề chuyên môn bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh theo định hướng của người học
Kỹ năng/Skills	
PLO6	Kỹ năng giao tiếp, tương tác thân thiện, hiệu quả bằng lời nói hoặc bằng văn bản các tri thức chuyên môn, các lập luận, quan điểm, giải pháp pháp lý; biết soạn thảo các văn bản pháp lý bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh
PLO7	Có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật, phản biện, phát hiện vấn đề và giải quyết các vấn đề pháp lý
PLO8	Năng lực ngoại ngữ từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
PLO9	Có khả năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chuyên môn; ứng dụng hiệu quả CNTT phục vụ công việc, tìm kiếm thông tin, tra cứu văn bản pháp luật trên môi trường internet và đáp ứng yêu cầu về năng lực số theo quy định hiện hành
Mức tự chủ và trách nhiệm/Autonomy and Accountability	

78

Chuẩn đầu ra/ PLO Code	Mô tả/ Description
PLO10	Có khả năng làm việc bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh và chịu trách nhiệm cá nhân hoặc theo nhóm; dẫn dắt, chủ trì, hướng dẫn và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; vận dụng những kiến thức và kỹ năng một cách tự chủ và có trách nhiệm trong lĩnh vực pháp luật; sáng tạo; thích ứng với môi trường nghề luật trong bối cảnh thay đổi
PLO11	Trung thành với Tổ quốc, có ý thức chính trị, tư tưởng vững vàng, có tinh thần thượng tôn pháp luật; ủng hộ đổi mới, bảo vệ công lý và quyền con người; có ý thức phục vụ Nhân dân, phục vụ cộng đồng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; trung thực, liêm chính, cẩn trọng, cầu thị, thấu hiểu; có đạo đức nghề luật

d) Xây dựng đề cương chi tiết các môn học/Course design

Trên cơ sở chương trình đào tạo, giảng viên biên soạn đề cương môn học theo quy chế của Nhà trường và quy định của pháp luật. Ngoài ra, đề cương môn học cần đảm bảo một số nội dung sau đây:

- Thông tin được cung cấp trong đề cương phải chính xác, đầy đủ về môn học.
- Mục tiêu, chuẩn đầu ra môn học được phát biểu rõ ràng, khoa học và phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
- Tài liệu môn học phải phù hợp với nội dung, yêu cầu giảng dạy; đảm bảo hàm lượng khoa học, tính mới và khả năng tiếp cận của người học; phải có đầy đủ số lượng trên Thư viện Trường theo yêu cầu của việc đảm bảo chất lượng CTĐT.
- Các bài đánh giá môn học phải phục vụ cho việc đánh giá năng lực, phẩm chất của người học theo chuẩn đầu ra. Về kỹ thuật, mô tả bài đánh giá cần chi tiết, dễ hiểu; kết hợp nhiều phương pháp để đánh giá; các tiêu chuẩn, tiêu chí cần được lượng hóa cụ thể.
- Nội dung môn học cần đầy đủ, vừa phải và được cấu trúc khoa học; thiết kế phù hợp với hoạt động học tập, giảng dạy, đánh giá.
- Tùy vào đặc thù của môn học, đề cương có thể đặt ra các yêu cầu đối với hoạt động học tập, giảng dạy như: tham dự lớp học; nề nếp, thái độ học tập, thảo luận; dụng cụ học tập...

4. Điều kiện tốt nghiệp/Graduation

Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ môn học, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc và tự chọn khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

K

- Sinh viên phải tham gia nghiên cứu khoa học theo nhóm nghiên cứu do các giảng viên hướng dẫn hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học với giảng viên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Có đơn gửi Phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa.
- Đáp ứng các điều kiện chuẩn đầu ra theo Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học.

a) Tốt nghiệp với Khoá luận tốt nghiệp/Graduation with thesis

Sinh viên được đăng ký để thực hiện Khóa luận tốt nghiệp nếu đủ các điều kiện sau:

- Điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 3.0 trở lên của các môn học tương ứng (trừ 10 tín chỉ các môn tốt nghiệp và áp dụng theo thang điểm 4);
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình;
- Điểm thực tập tốt nghiệp đạt từ 8,0 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc từ 3,5 trở lên (theo thang điểm 4) và được sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn Khóa luận tốt nghiệp.

b) Tốt nghiệp với các môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp/Graduation with alternative course

Sinh viên không thực hiện hoặc không đủ điều kiện thực hiện Khóa luận tốt nghiệp thì học các môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp, bao gồm: Kỹ năng tư vấn pháp luật (Luật kinh tế) và Phân tích án (Luật kinh tế) để đảm bảo đủ khối lượng tối thiểu 06 tín chỉ tích lũy theo quy định./.

